

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 28/10/2005, sửa đổi bổ sung lần thứ 08 ngày 23/05/2016.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 08 ngày 23/05/2016: 551.135.950.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) với mã chứng khoán: MDF.

Trụ sở chính của Công ty: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên
Ông Phạm Văn Hồi Em	Thành viên
Ông Nguyễn Chơn Biên	Thành viên
Ông Huỳnh Duy Hiển	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chiến Sỹ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Nghĩa An	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Cao Thanh Nam

Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 07 năm 2023

Số: 216/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị, được lập ngày 25/07/2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, Báo cáo soát xét số 038/2022/BCSX-PB.00369 phát hành ngày 28/7/2022 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 038/2023/BCKT-PB00369 phát hành ngày 18/02/2023 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Lưu Anh Tuấn**Giám đốc kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 07/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		409.836.644.366	400.354.551.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.051.097.290	49.481.411.014
1. Tiền	111		11.051.097.290	49.481.411.014
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.250.072.194	105.189.259.680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	97.837.196.449	98.854.038.857
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	4.144.061.312	7.315.258.275
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.753.553.181	1.745.130.250
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.484.738.748)	(2.725.167.702)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	285.030.043.122	238.254.658.699
1. Hàng tồn kho	141		286.019.685.633	239.561.141.583
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(989.642.511)	(1.306.482.884)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.505.431.760	7.429.222.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	8.912.741.682	6.830.532.109
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	592.690.078	598.690.078
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		801.557.255.111	838.082.151.696
II. Tài sản cố định	220		749.390.837.053	780.480.536.212
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	748.903.776.516	779.857.179.705
<i>Nguyên giá</i>	222		1.786.338.861.545	1.786.338.861.545
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.037.435.085.029)	(1.006.481.681.840)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	487.060.537	623.356.507
<i>Nguyên giá</i>	228		4.296.355.380	4.296.355.380
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.809.294.843)	(3.672.998.873)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		301.067.424	56.325.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	301.067.424	56.325.606
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	3.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.865.350.634	54.545.289.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	13.126.226.027	17.204.589.641
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.6	35.739.124.607	37.340.700.237
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.211.393.899.477	1.238.436.703.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		565.159.825.928	571.169.601.885
I. Nợ ngắn hạn	310		533.551.179.455	539.560.955.412
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	45.689.793.863	44.100.582.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	70.931.107	462.372.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.045.599.321	8.710.714.772
4. Phải trả người lao động	314		1.666.455.478	17.076.247.630
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	5.694.161.410	2.656.235.945
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	8.351.534.775	8.107.751.408
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	460.908.395.222	451.488.045.093
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.124.308.279	6.959.005.932
II. Nợ dài hạn	330		31.608.646.473	31.608.646.473
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	31.608.646.473	31.608.646.473
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		646.234.073.549	667.267.101.391
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	646.234.073.549	667.267.101.391
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		551.135.950.000	551.135.950.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.837.039.040	100.837.039.040
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.738.909.491)	3.294.118.351
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		565.118.351	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(18.304.027.842)	3.294.118.351
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.211.393.899.477	1.238.436.703.276
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Cao Duy Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường

Quảng Trị, ngày 25 tháng 07 năm 2023



Cao Thanh Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	334.438.961.864	680.375.870.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	8.584.261	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	334.430.377.603	680.375.870.947
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	300.876.891.488	586.693.414.508
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		33.553.486.115	93.682.456.439
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	748.772.663	939.566.681
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.599.876.103	15.599.535.198
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.465.135.385	15.500.205.147
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	27.782.917.569	37.032.450.806
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.230.816.137	8.231.532.455
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+24-(25+26)	30		(18.311.351.031)	33.758.504.661
11. Thu nhập khác	31		113.096.086	-
12. Chi phí khác	32		105.772.897	562.370.917
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	7.323.189	(562.370.917)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(18.304.027.842)	33.196.133.744
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	6.381.525.740
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51)	60		(18.304.027.842)	26.814.608.004
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(332)	462

Quảng Trị, ngày 25 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Cao Duy Hải

Nguyễn Mạnh Cường

Cao Thanh Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		331.945.716.751	659.791.804.462
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(304.405.308.314)	(577.309.767.478)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.701.500.764)	(46.194.637.404)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(19.557.752.907)	(16.163.512.320)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(37.748.607)	(8.869.646.952)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		29.354.495.818	54.380.050.193
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.229.776.762)	(86.417.294.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.631.874.785)	(20.783.004.218)
II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và Tài sản dài hạn khác	21		(223.958.182)	(2.726.388.070)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.045.366	10.985.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.912.816)	(715.402.481)
III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		345.019.840.152	415.331.749.719
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(335.599.490.023)	(378.956.617.979)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(21.707.653.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.420.350.129	14.667.478.716
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(38.430.437.472)	(6.830.927.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	49.481.411.014	37.632.332.491
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		123.748	51.283.705
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	11.051.097.290	30.852.688.213

Người lập biểu

Cao Duy Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường

Quảng Trị, ngày 25 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Cao Thanh Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 28/10/2005, sửa đổi bổ sung lần thứ 08 ngày 23/05/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 08 ngày 23/05/2016: 551.135.950.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: MDF.

Trụ sở chính của Công ty: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 394 người (tại ngày 31/12/2022 là 415 người).

1.2 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ gỗ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF ...;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic vào cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: sản xuất gỗ các loại;

...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Sản xuất và Kinh doanh gỗ ván nhân tạo.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác: được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Các tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ công tác quản lý, điều hành được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể:

Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn phục vụ quản lý	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất được khấu hao theo số lượng, khối lượng sản xuất. Thời gian trích khấu hao không quá 20 năm tùy theo số lượng sản phẩm thực tế được sản xuất.

Các tài sản thuộc nhà máy sản xuất Formaline, nhà máy sản xuất keo UF, khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao tối đa không quá 20 năm tùy theo thời gian hữu dụng của từng tài sản.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, bản quyền, bằng sáng chế, quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo đường thẳng từ 05 năm đến 08 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến hàng hóa, tài sản, dịch vụ đã nhận được nhưng Công ty chưa nhận được đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, hàng hóa bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay của Công ty gồm:

- Lãi vay được ghi nhận hàng tháng căn cứ trên số dư nợ gốc khoản đi vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế;
- Các khoản phí phải trả liên quan đến khoản bảo lãnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh gỗ ván và hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam do đó Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không cần thiết phải trình bày Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	34.731.089	2.811.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.016.366.201	49.478.599.801
Tổng	11.051.097.290	49.481.411.014

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH TM - DV Mộc Phát	6.952.494.769	12.794.193.324
Công ty TNHH SX Gỗ An Cường	-	10.525.187.520
Công ty TNHH Tân Viên	4.371.759.357	6.018.680.000
Công ty TNHH TMDV XD SX Triệu Phú Lộc	16.282.378.136	19.025.831.563
Công ty TNHH TM Tổng hợp Điệp Dương	5.019.441.800	7.692.052.200
AL FAS TRADING INTERNATIONAL PVT	8.872.763.025	-
BALAJI MSRM LAAMINATES PVT LTD	7.511.851.615	1.767.541.617
Công Ty TNHH TM DV Và XNK Bảo Lâm	4.223.839.499	1.604.952.401
Các khách hàng khác	44.602.668.248	39.425.600.232
Tổng	97.837.196.449	98.854.038.857

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	80.000.000
Điện lực Gio Linh	1.000.000.000	151.505.430
Công ty TNHH VALMET	-	2.090.279.520
DURASERF (M) SDN BHD	-	1.414.868.000
IMAL SRL	1.653.095.325	1.684.869.105
Các khách hàng khác	1.490.965.987	1.893.736.220
Tổng	4.144.061.312	7.315.258.275
<i>Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	-	80.000.000

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.120.987.394	-	1.313.567.145	-
Phải thu khác	2.632.565.787	-	431.563.105	-
- Tiền lương	2.198.018.797	-	-	-
- Phải thu khác	434.546.990	-	431.563.105	-
Tổng	3.753.553.181	-	1.745.130.250	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Chi nhánh Công ty TNHH Hoàng Bình	141.716.191	141.716.191	141.716.191	141.716.191
Công ty Cổ phần SX Thương mại Vạn Thịnh Phát	222.540.999	222.540.999	222.540.999	222.540.999
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Triều	307.483.537	215.238.476	387.483.537	272.238.476
Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang	-	-	976.440.700	976.440.700
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mộc Phát	-	-	207.988.254	207.988.254
Công ty TNHH Yên Lâm	133.524.000	133.524.000	133.524.000	133.524.000
Công ty TNHH Thiết kế XD và Thương mại Hoàng Đức	202.100.000	202.100.000	202.100.000	202.100.000
Các đối tượng khác	598.657.582	569.619.082	569.619.082	568.619.082
Tổng	1.606.022.309	1.484.738.748	2.841.412.763	2.725.167.702

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Hàng tồn kho	286.019.685.633	(989.642.511)	239.561.141.583	(1.306.482.884)
Nguyên vật liệu	65.581.770.254	-	53.917.325.472	-
Công cụ, dụng cụ	73.919.395.190	-	65.195.397.178	-
Chi phí SXKD dở dang	4.715.209.326	-	3.686.166.227	-
Thành phẩm	141.803.310.863	(989.642.511)	116.762.252.706	(1.306.482.884)
b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	35.739.124.607	-	37.340.700.237	-
Công cụ, dụng cụ	35.739.124.607	-	37.340.700.237	-
Tổng	321.758.810.240	(989.642.511)	276.901.841.820	(1.306.482.884)

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.912.741.682	6.830.532.109
Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khác	7.644.492.961	4.678.897.823
Chi phí bảo hiểm	471.510.183	674.469.234
Chi phí khác	796.738.538	1.477.165.052
b) Dài hạn	13.126.226.027	17.204.589.641
Chi phí sửa chữa TSCĐ	320.375.164	925.848.403
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.050.836.603	15.711.921.039
Chi phí khác	755.014.260	566.820.199
Tổng	22.038.967.709	24.035.121.750

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư ngày 01/01/2023	272.581.689.793	1.465.620.840.159	46.773.707.449	892.193.193	470.430.951	1.786.338.861.545
Số dư ngày 30/6/2023	272.581.689.793	1.465.620.840.159	46.773.707.449	892.193.193	470.430.951	1.786.338.861.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư ngày 01/01/2023	114.581.022.444	850.654.385.559	40.118.865.168	892.193.193	235.215.476	1.006.481.681.840
Khấu hao trong kỳ	6.519.187.330	23.576.463.179	857.752.680	-	-	30.953.403.189
Số dư ngày 30/6/2023	121.100.209.774	874.230.848.738	40.976.617.848	892.193.193	235.215.476	1.037.435.085.029
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	158.000.667.349	614.966.454.600	6.654.842.281	-	235.215.475	779.857.179.705
Tại ngày 30/6/2023	151.481.480.019	591.389.991.421	5.797.089.601	-	235.215.475	748.903.776.516

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/6/2023: 523.354.209.900 VND (tại ngày 01/01/2023: 516.684.089.642 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/6/2023: 700.992.545.009 VND (tại ngày 01/01/2023: 727.905.770.926 VND).

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2023	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
Số dư ngày 30/6/2023	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư ngày 01/01/2023	247.990.000	3.390.516.571	34.492.302	3.672.998.873
Khấu hao trong kỳ	-	130.989.462	5.306.508	136.295.970
Số dư ngày 30/6/2023	247.990.000	3.521.506.033	39.798.810	3.809.294.843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	247.848.809	375.507.698	623.356.507
Tại ngày 30/6/2023	-	116.859.347	370.201.190	487.060.537

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2023: 2.576.415.380 VND (tại ngày 01/01/2023: 2.576.415.380 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư, liên doanh trồng rừng	65.416.515	65.416.515	56.325.606	56.325.606
Cải tạo hệ thống PCCC	235.650.909	235.650.909	-	-
Tổng	301.067.424	301.067.424	56.325.606	56.325.606

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	3.000.000.000	-	(*)	3.000.000.000	-	(*)
Tổng	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

(*): Đến ngày 30/6/2023 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị chưa được giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán nên khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư. Trong năm 2022, Công ty đã nhận tiền chuyển nhượng khoản đầu tư trên với số tiền là 3.000.000.000 VND (Thuyết minh tại mục 5.16 Phải trả khác) nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Phân bón Phú Qùy	-	-	8.878.830.800	8.878.830.800
Công ty TNHH Hóa chất công nghệ Sam Sung Việt Nam	9.313.425.000	9.313.425.000	17.047.556.350	17.047.556.350
Công ty Cổ phần Hoá Chất Miền Bắc	12.705.951.500	12.705.951.500	-	-
Hoàng Thị Hà	1.761.969.500	1.761.969.500	2.000.100.000	2.000.100.000
Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vạn Hải	6.821.594.217	6.821.594.217	671.125.472	671.125.472
Công ty CP DV TM Hồng Thăng	1.867.490.000	1.867.490.000	-	-
Các đối tượng khác	13.219.363.646	13.219.363.646	15.502.969.659	15.502.969.659
Tổng	45.689.793.863	45.689.793.863	44.100.582.281	44.100.582.281

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH HUILING WOOD PRODUCTS (VietNam)	-	2.400.000
PRESTIGE LAMINATES PVT LTD	-	458.772.351
GLOBELIA INTERNATIONAL LLP	70.387.107	-
Người mua trả tiền trước khác	544.000	1.200.000
Tổng	70.931.107	462.372.351

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2023	
	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	598.690.078	43.748.607	37.748.607	37.748.607	592.690.078	592.690.078
Tổng	598.690.078	43.748.607	37.748.607	37.748.607	592.690.078	592.690.078

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2023	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	8.577.399.226	15.758.751.516	16.333.765.731	16.333.765.731	8.002.385.011	8.002.385.011
Thuế nhập khẩu	-	6.817.141	6.817.141	6.817.141	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	130.951.683	886.319.844	974.057.217	974.057.217	43.214.310	43.214.310
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	102.744.810	102.744.810	102.744.810	-	-
Thuế Môn bài	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.363.863	-	2.363.863	2.363.863	-	-
Tổng	8.710.714.772	16.757.633.311	17.422.748.762	17.422.748.762	8.045.599.321	8.045.599.321

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.271.716.688	2.333.272.982
Chi phí vận chuyển và chi phí khác	3.422.444.722	322.962.963
Tổng	5.694.161.410	2.656.235.945

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	304.492.142	66.113.419
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.854.530.612	4.854.530.612
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	192.512.021	187.107.377
Tổng	8.351.534.775	8.107.751.408

(*): Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị đang chờ để xử lý và thu hồi khoản đầu tư góp vốn được thuyết minh tại Thuyết minh số 5.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

D.N
C
T
KI
CPA
PHO

CÔNG TY CỔ PHẦN GỐ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số phát sinh trong kỳ				Số có khả năng trả nợ
	30/6/2023	01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a) Ngắn hạn	460.908.395.222	460.908.395.222	345.019.840.152	335.599.490.023	451.488.045.093
Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh Quảng Trị (1)	144.483.242.142	144.483.242.142	173.081.347.099	110.035.203.112	81.437.098.155
Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị (2)	261.425.153.080	261.425.153.080	171.938.493.053	171.764.286.911	261.250.946.938
Nợ dài hạn đến hạn trả - 'Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị (3)	55.000.000.000	55.000.000.000	-	53.800.000.000	108.800.000.000
b) Dài hạn	31.608.646.473	31.608.646.473	-	-	31.608.646.473
Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Quảng Trị (3)	31.608.646.473	31.608.646.473	-	-	31.608.646.473
Tổng	492.517.041.695	492.517.041.695	345.019.840.152	335.599.490.023	483.096.691.566

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 3006/2022-HĐCVHM/NHCT450-CTMDFQUANGTRI ngày 30/06/2022 để bổ sung vốn lưu động (không thanh toán mua công cụ, dụng cụ là phụ tùng, thiết bị thay thế trong dây truyền sản xuất của bên vay) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván gỗ nhân tạo MDF. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 30/06/2022 đến ngày 30/06/2023. Trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất cho vay: là lãi suất điều chỉnh, được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa số 1703/2015/HĐTCHH ngày 17/05/2015 và hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 1703/2015/HĐTCQTS ngày 17/05/2015.

(2) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30BB/HĐHM/2021 ngày 30/11/2021. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, hạn mức tín dụng là 270 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng khe ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ quy định tại các hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 02/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 04/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 496A/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017, hợp đồng số 496B/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/VCB-MDF.VRG ngày 11/4/2014 để thực hiện đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gỗ MDF tại Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Tổng hạn mức đi vay: 750 tỷ đồng, thời gian vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau công biên độ 3,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ nhà xưởng xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đồng bộ của dự án sản xuất gỗ MDF công suất 60.000m³/năm và quyền tài sản hình thành trong tương lai.

5.18 Biến động Vốn chủ sở hữu

a) Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2022	551.135.950.000	11.999.994.000	100.837.039.040	61.071.604.329	725.044.587.369
Lãi trong năm 2022	-	-	-	3.294.118.351	3.294.118.351
Trích lập các quỹ	-	-	-	(10.918.232.879)	(10.918.232.879)
Chia cổ tức	-	-	-	(50.153.371.450)	(50.153.371.450)
Số dư 31/12/2022	551.135.950.000	11.999.994.000	100.837.039.040	3.294.118.351	667.267.101.391
Số dư 01/01/2023	551.135.950.000	11.999.994.000	100.837.039.040	3.294.118.351	667.267.101.391
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(18.304.027.842)	(18.304.027.842)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(2.729.000.000)	(2.729.000.000)
Số dư 30/6/2023	551.135.950.000	11.999.994.000	100.837.039.040	(17.738.909.491)	646.234.073.549

(*) Trích lập Quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ.MDFQT ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	467.617.480.000	467.617.480.000
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	33.671.550.000	33.671.550.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	35.555.000.000	35.555.000.000
Các cổ đông khác	14.291.920.000	14.291.920.000
Tổng	551.135.950.000	551.135.950.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

5.18 Biến động Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	551.135.950.000	551.135.950.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	551.135.950.000	551.135.950.000
Cổ tức đã chia	-	21.707.653.024

d) Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.113.595	55.113.595
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.113.595	55.113.595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.113.595	55.113.595
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.113.595	55.113.595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.113.595	55.113.595
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.822,54	302.714,89
- EUR	287,13	292,45

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm	334.438.961.864	680.375.870.947
Tổng	334.438.961.864	680.375.870.947
Hàng bán bị trả lại	8.584.261	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	334.430.377.603	680.375.870.947
Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	334.430.377.603	680.375.870.947

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm	301.193.731.861	587.424.031.257
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (316.840.373)		(730.616.749)
Tổng	300.876.891.488	586.693.414.508

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	5.045.366	10.985.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	568.670.014	861.043.376
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	175.057.283	67.537.446
Tổng	748.772.663	939.566.681

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	19.465.135.385	15.500.205.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.740.718	99.330.051
Tổng	19.599.876.103	15.599.535.198

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	530.553.160	877.793.372
Chi phí vật liệu, CCDC quản lý	8.797.840	4.500.000
Chi phí khấu hao	-	270.425.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.161.329.523	35.857.751.972
Chi phí bằng tiền khác	82.237.046	21.980.183
Tổng	27.782.917.569	37.032.450.806

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.117.229.701	4.200.559.303
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	282.532.120	279.150.549
Chi phí khấu hao	873.598.368	1.059.390.311
Thuế, phí, lệ phí	422.957.391	483.053.654
Hoàn nhập dự phòng	(1.240.428.954)	(1.142.961.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.546.187.511	3.168.770.138
Chi phí khác bằng tiền	228.740.000	183.570.000
Tổng	5.230.816.137	8.231.532.455

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác	113.096.086	-
Thu nhập khác	113.096.086	-
Chi phí khác	105.772.897	562.370.917
Tiền chậm nộp, phạt hành chính	65.230.777	-
Khấu hao TSCĐ, chi phí phân bổ khác do dừng sản xuất	-	562.370.917
Chi phí khác	40.542.120	-
Lợi nhuận khác	7.323.189	(562.370.917)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.304.027.842)	33.196.133.744
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	688.846.817
<i>Thu nhập không chịu thuế (Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ)</i>	-	(68.497.746)
Thu nhập chịu thuế	(18.304.027.842)	33.816.482.815
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	6.381.525.740

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.304.027.842)	26.814.608.004
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.364.500.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.304.027.842)	25.450.108.004
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.113.595	55.113.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(332)	462

(i): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ.MDFQT ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo kỳ trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.814.608.004	26.814.608.004	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.364.500.000)	(1.364.500.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.814.608.004	25.450.108.004	(1.364.500.000)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.113.595	55.113.595	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	487	462	(25)

6.10 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	248.334.015.511	460.054.000.317
Chi phí nhân công	15.625.433.887	37.198.431.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.089.699.159	50.585.986.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.270.349.068	105.776.473.559
Chi phí khác bằng tiền	365.978.976	230.608.500
Tổng	368.685.476.601	653.845.499.896

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

7. THÔNG TIN KHÁC

Các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	85%
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	Cổ đông lớn	6%
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Cổ đông lớn	6%
Các thành viên chủ chốt bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên thân cận trong gia đình của các nhân là thành viên chủ chốt	Có ảnh hưởng đáng kể	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt**

Phụ cấp, thù lao của Hội đồng Quản trị	Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
	Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
	Cao Thanh Nam	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
	Huỳnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
	Phạm Văn Hồi Em	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
	Nguyễn Chơn Biên	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Tổng			90.000.000	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Lương, phụ cấp của Ban Kiểm soát		Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban Kiểm soát	135.331.998	172.677.000
Nguyễn Hồng Minh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Hữu Trung	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Tổng		159.331.998	196.677.000

Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Thư ký HĐQT		Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc	186.190.004	230.547.000
Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc	146.284.800	187.361.500
Hồ Nghĩa An	Phó Tổng Giám đốc	146.284.800	62.917.000
Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc	-	32.798.000
Nguyễn Mạnh Cường	Kế toán trưởng	135.331.998	172.677.000
Nguyễn Minh Đức	Thư ký HĐQT	12.000.000	12.000.000
Tổng		626.091.602	698.300.500

a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với Bên liên quan		Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
Nội dung giao dịch		VND	VND
1. Giao dịch khác			
	Chia cổ tức cho Công ty mẹ	-	21.042.786.600
	Chi phí thuê văn phòng	22.274.182	22.274.181
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Phí hợp đồng truyền thông, đăng báo	74.074.074	80.000.000
	Công ty mẹ thưởng hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2021	-	40.000.000
		30/6/2023	01/01/2023
Số dư với các bên liên quan		VND	VND
1. Trả trước cho người bán			
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	80.000.000
		-	80.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang
Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Mẫu B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM - Chi nhánh phía Bắc.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM - Chi nhánh phía Bắc.

Quảng Trị, ngày 25 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Cao Duy Hải

Nguyễn Mạnh Cường

Cao Thanh Nam